

Bản án số: 105/2020/HS-ST  
Ngày: 17-6-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Hồ N, sinh năm: 1993 tại tỉnh Bạc Liêu; đăng ký thường trú: Ấp C, xã Định Thành B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ N (đã chết) và bà Trần H, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2020 cho đến nay - có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ B, Phạm T, Danh N, Nguyễn T và Hồ N là bạn bè quen biết ngoài xã hội.

Khoảng 18 giờ ngày 19/12/2016, N cùng với B, T, N, T, S, T và T ngồi uống rượu tại quán cháo vịt ở khu vực bến xe P thuộc Khu phố 6, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Trong lúc uống rượu, N rủ cả nhóm đi đến công ty C, ở khu phố 4, phường P để chặn đường đánh chị tổ trưởng trong công ty T do người này có mâu thuẫn với T (bạn gái của N) thì tất cả đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số: 61N9-4651 của T chở T, N; T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) của T chở N và T; T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số: 69F1-289.83 của T chở S và T chạy đến công ty C. Khi đi đến đoạn đường N7, gần Đình T thuộc khu vực khu phố 4, phường P, N kêu cả nhóm dừng bên đường N7 đợi chị tổ trưởng đi làm về ngang sẽ chặn đánh. Cả nhóm đứng đợi khoảng 05 phút thì gặp anh Trần M đi bộ ngang qua. B nhìn thấy anh M đi một mình, mặc dù không quen biết, B kêu anh M đứng lại nói chuyện nhưng anh M không đứng lại mà bỏ đi. B định đánh anh M nhưng N can ngăn nên thôi. T thấy B định đánh người khác nên điều khiển xe 69F1-28983 chở S bỏ về trước. Khi anh B đi ngang qua nhóm B được khoảng 200 mét thì B kêu T lấy xe 61N9-4651 chở B chạy theo đánh anh B. Thấy B và T chạy xe đi thì N, T, N và T cũng chạy theo phía sau. Khi đuổi kịp anh M, B xuống xe và dùng nón bảo hiểm đánh anh M, còn T, N, T, T và N dùng tay, chân đánh anh M. Lúc này, N dùng tay đánh anh M 02 cái để hỗ trợ B nhưng do thấy anh M bị nhiều người đánh nên N không đánh nữa mà lùi ra chỗ để xe. Riêng T, bạn của N ở tại chỗ, không theo nhóm N đến chỗ đánh anh M. Trong lúc đánh anh M, B nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh M nên nói: “Lấy điện thoại, tiền bạc của nó luôn đi”. Nghe B nói vậy thì T dùng tay tìm trong người anh M phát hiện có điện thoại trong túi quần nên T kêu anh M đưa điện thoại cho T. Anh M không đồng ý và lấy tay giữ túi quần có điện thoại bên trong lại. Thấy vậy, B, T, N và T tiếp tục đánh anh M đến khi anh M gục xuống đường bất tỉnh. T lục túi lấy điện thoại nhưng do anh M nằm úp người xuống đường nên không lấy được. Sau đó, T lật anh M ngửa ra và lấy được 01 điện thoại di động Lenovo màu trắng đưa cho T cất giữ. Tại thời điểm B kêu lấy điện thoại của anh B, T và N nhìn thấy nhưng không còn tham gia đánh anh M. Ngay sau khi T lấy điện thoại của anh B, T và N giả vờ tri hô có bảo vệ Beamex đến nên B, T, N và T bỏ đi. Sau đó, B, T, N, T, T, N rủ nhau đi hát karaoke. Cả nhóm đến quán karaoke Đ ở đường D10 thuộc khu phố 6, phường H thuê phòng hát và uống rượu. Khoảng 30 phút sau, T mang theo điện thoại di động chiếm đoạt được của anh M bỏ trốn đi đâu không rõ.

Ngày 20/12/2016, anh Trần M làm đơn tố giác về hành vi chiếm đoạt tài sản gửi Công an phường P. Sau đó, vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C thụ lý theo thẩm quyền.

Theo Biên bản về việc định giá tài sản ngày 26/12/2016 của Hội đồng định giá thị xã C xác định: 01 điện thoại di động hiệu Lenovo màu đen đã qua sử dụng trị giá 3.325.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/11/2017, Tòa án nhân dân thị xã C đã xét xử đối với Đỗ B, Nguyễn T, Danh N, Nguyễn T. Riêng Hồ N bỏ trốn trong giai đoạn truy tố nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã C ra Quyết định tách vụ án, Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với N và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra Quyết định truy nã. Đến ngày 02/3/2020, N bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã C, Hồ N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 119/CT-VKSBC ngày 22/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hồ N về tội: “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi không tố giác tội phạm như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:
- + Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 119/CT-VKSBC ngày 22/5/2020 đối với bị cáo Hồ N về tội: “Không tố giác tội phạm”;
- + Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo N từ 06 đến 08 tháng tù.
- Bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Hồ N: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Hồ N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo N biết rõ hành vi cướp tài sản của B, T, N và T, mặc dù không có trở ngại khách quan nào nhưng N không tố giác đến cơ quan có thẩm quyền để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi phạm tội sau đó của các đối tượng này. Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu

thành tội: “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bản Cáo trạng số 119/CT-VKSBC ngày 22/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội.

Trong giai đoạn truy tố, bị cáo Nguyễn đã bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Qua đó cho thấy bản chất xem thường pháp luật của bị cáo. Xét thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông ngoại được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, có bà cố là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Riêng đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử quyết định giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về các đồng phạm khác, vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án số 162/2017/HSST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 136, Điều 299, khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hồ N phạm tội: “Không tố giác tội phạm”.

Xử phạt bị cáo Hồ N 03 (ba) tháng 15 (mười lăm) ngày tù, thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2020 đến ngày 17/6/2020.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Hồ N tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Hồ N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Xuân**